

CÔNG TY CP KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH AN BIÊN

— ๐๓00๐๘ —

Số: 22.04/CB-KĐAB



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--- ๐๓00๐๘ ---

Hải phòng, ngày 22 tháng 04 năm 2026

CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

ĐẾN Số: 4602  
Ngày: 06/15/2026

Chuyên: .....

Số và ký hiệu HS: .....

## CÔNG BỐ NĂNG LỰC

### HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

**Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 2825/SXD-CCGDĐXD ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH AN BIÊN** công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

#### 1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

##### 1.1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH AN BIÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0202320877 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2025, Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố số 27, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ văn phòng: Số 55 Nguyễn Công Mỹ, phường Phù Liễn, TP Hải Phòng

Người đại diện pháp luật: NGUYỄN ANH TUẤN Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0912.665.659

Email: nguyenanhtuantl@gmail.com

Mã số thuế: 0202320877

Website: <https://anbiencis.vn>

**1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH AN BIÊN**



Địa chỉ: Tổ dân phố số 27, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ văn phòng: Số 55 đường Nguyễn Công Mỹ, phường Phù Liễn, TP Hải Phòng

Trưởng phòng: NGUYỄN ANH TUẤN

Điện thoại: 0912.665.659 Email: nguyenanhtuantl@gmail.com

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị**

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLINKE</b>			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; BS 1881; ASTM C188; ASTM C204; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T192	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	Nguyễn Văn Điện
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; TCVN 9488:2012; ASTM C109/C109M; ASTM C348-14; ASTM C349-14; AASHTO T106	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	Nguyễn Văn Điện
3	Xác định độ bền dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015; ASTM C187, C191, C266, C451, C807; AASHTO T129, T131, T133, T106 BS 1881	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lược mẫu, khuôn Lơ Satolie	Nguyễn Văn Điện
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143/C143M, C1611	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo	Nguyễn Văn Điện
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138; AASHTO T121	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g, bếp điện, thùng nấu paraffin, tủ sấy 200 <sup>0</sup> C.	Nguyễn Văn Điện

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C; Khay sắt.	Nguyễn Văn Điện
7	Xác định khối lượng riêng bê tông	TCVN 3112:22 ASTM C127, ASTM C128	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bình dung tích 100 mL, Tủ sấy (105±5)°C, Máy nghiền, bếp cách thủy, Sàng 5,0 mm; 1,25 mm và 0,125 mm, Bình hút ẩm, hoá chất, thuốc thử, Nước cất	Nguyễn Văn Điện
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; TCVN 8219:2009; ASTM C642, C1585	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thùng ngâm, Tủ sấy (105±5)°C, Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Điện
9	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; TCVN 3108:2022; ASTM C138; ASTM C642; AASHTO T121	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước đo (vạch chia 1mm), Tủ sấy (105±5)°C, Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Điện
10	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252: 2020 , TCVN 14524:2025; TCVN 14525:2025	Máy nén , Vật liệu capping mặt, thước kẹp , máy cắt, máy khoan	Nguyễn Văn Điện
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; AASHTO T22; ASTM C39; BS 1881; AASHTO T140; EN 12390-3; TCVN 10303: 2025 ; TCVN 14525:2025	Máy nén, Thước đo (vạch chia 1mm), Thước góc, đệm truyền tải ,Đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s	Nguyễn Văn Điện
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97; ASTM C78; ASTM C293; BS 1881; AASHTO T177; EN 12390-5	Máy nén, Thước đo (vạch chia 1mm)	Nguyễn Văn Điện
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011; ASTM C496; AASHTO T198	Máy nén	Nguyễn Văn Điện
14	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp BTXM (thiết kế cấp phối)	TCVN 3110:93;TCVN 9340:12; TCVN 10306:14 ; 778/1998/QĐ-BXD , ACI 211 , ACI 214	Máy trộn, Máy đầm rung, Dụng cụ đo độ sụt, Cân kỹ thuật, Khuôn đúc mẫu, Thùng bảo dưỡng, Cân kỹ thuật 50kg, Bộ sàng cát 5mm; 1,2mm và 0,15mm, Tủ sấy 200°C	Nguyễn Văn Điện

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xác định cường độ lãng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại, khuôn đúc mẫu	Nguyễn Văn Điện
16	Xác định nhiệt độ hỗn hợp BTXM, thời gian đông kết của BTXM	TCXDVN 376:06; ASTM C403M; TCVN 9340	Nhiệt kế	Nguyễn Văn Điện
17	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị thử mẫu	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu, dụng cụ xúc bê tông, bay, cây chọc...	Nguyễn Văn Điện
18	Xác định độ chảy loang và thời gian chảy loang của bê tông	TCVN 12209:2018 ASTM C1611-21; BS EN 12350-19;	Bộ côn thử độ sụt, Bộ côn, khay, thước thép,..	Nguyễn Văn Điện
<b>III</b>	<b>CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
19	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 06; AASHTO-T27; ASTM C 136; BS 1881; EN 933	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng, Tủ sấy (105 ± 5)°C	Nguyễn Văn Điện
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4: 06; AASHTO T19, T191, T205, T233 ; ASTM C128; EN 1097; AASHTO T84; AASHTO T85	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Bình dung tích, Thùng ngâm mẫu, Côn thử độ sụt của cốt liệu, đường kính nhỏ 40 mm, đường kính lớn 90 mm, chiều cao 75 mm, Phễu, Que chọc, Bình hút ẩm, Sàng có kích thước mắt sàng 5 mm và 0,140 mm	Nguyễn Văn Điện
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 2006; ASTM C127; EN 1097; AASHTO T85	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C	Nguyễn Văn Điện
22	Xác định khối lượng thể tích xốp, độ hồng và độ xốp	TCVN 7572-6: 2006; AASHTO T19; ASTM C 29/C 29M; EN 1097	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C	Nguyễn Văn Điện
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C 566; ASTM C 70; EN 1097	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu	Nguyễn Văn Điện
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt	TCVN 7572-8:06; AASHTO T112, ASTM C142; EN 933; BS 812 Section 3	Cân phân tích chính xác 0,001g, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Thùng rửa cốt liệu, Đồng hồ bấm giây, Tấm kính, Que hoặc kim sắt nhỏ	Nguyễn Văn Điện

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	liệu nhỏ			
25	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 2006; AASHTO T21; ASTM C 40	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, Cân phân tích chính xác 0,001g, Bếp cách thủy, Sàng có kích thước lỗ 20 mm, Thang màu để so sánh, Thuốc thử	Nguyễn Văn Điện
26	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170:06; ASTM D2938:02	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Văn Điện
27	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170/C170M-17	Máy nén thủy, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Văn Điện
28	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹp trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-10; AASHTO T335-09:2013	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước kẹp cải tiến, Bộ sàng, Tủ sấy	Nguyễn Văn Điện
29	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17: 06; AASHTO-T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và nhôm, búa con	Nguyễn Văn Điện
30	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D821	Cân kỹ thuật, kính lúp, sàng	Nguyễn Văn Điện
31	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20: 2006	Cân phân tích độ chính xác 0,001g, Giấy nhám khổ 330mmx210mm, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh	Nguyễn Văn Điện
32	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	TCVN 9205:2012; ASTM C 117, AASHTO T11	Sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Điện
33	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123	Tủ sấy, cân kỹ thuật, hóa chất, dụng cụ lấy mẫu	Nguyễn Văn Điện
<b>IV</b>	<b>CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG</b>			
34	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854; JIS A 1202; AASHTO T100	Bình tỷ trọng thể tích 500 hoặc 1000ml, máy hút chân không hoặc bếp điện, cân phân tích độ chính xác 0,01g, tủ sấy, nhiệt kế và bình hút ẩm	Phạm Văn Quân
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; D2974, D4643, D4959; JIS A 1203; JGS 0122; AASHTO T217, T265, T271, T239	Tủ sấy 300°C, Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g, Cốc thủy tinh, Rây đường kính lỗ 1 mm, cốc sứ, chày sứ đầu bọc cao su, khay men	Phạm Văn Quân

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 12; ASTM D 4318; AASHTO T89, T90 ; TCVN 14134-4:2024	Rây kích thước lỗ 1 mm, Cối sủi, chày đầu bọc cao su, Bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g, tủ sấy 300°C, Bát sứ trắng men hoặc sứ, dao	Phạm Văn Quân
37	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 12; ASTM C 136; AASHTO T27; AASHTO T 88 ; TCVN 14134-3:2024 ;TCVN 14135-5:2024	Bộ sàng, cân kỹ thuật, Tủ sấy 300°C, máy lắc sàng, nhiệt kế, bình hút ẩm, máy nghiền đất, bình phun tia, nước cất, dụng cụ trộn mẫu	Phạm Văn Quân
38	Xác định đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024	Ống đồng, cân, phễu , đồng hồ bấm giây, máy lắc thí nghiệm đương lượng	Phạm Văn Quân
39	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075 mm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024	Cân, sàng, tủ sấy, chất tẩy rửa, thiết bị rửa	Phạm Văn Quân
40	Xác định thành phần hạt bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-5:2024	Cân, Sàng, Máy sàng lắc, Tủ sấy	Phạm Văn Quân
41	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; JGS 0560; AASTHO T236; TCVN 8725:2012	Máy cắt phẳng, hộp cát, tải tự hoặc hệ thống khí nén, vòng lực, đồng hồ so.	Phạm Văn Quân
42	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; JIS A1217; AASHTO T216	Máy nén cố kết có dao vòng kim loại, hệ thống gia tải, thiết bị đo biến dạng	Phạm Văn Quân
43	Thí nghiệm đầm nén vật liệu trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557 ; ASTM D 698; TCVN 12790:2020	Cối nhỏ ,cối lớn , Chày đầm tiêu chuẩn; Chày đầm cải tiến, chày đầm cơ khí, dụng cụ tháo mẫu, Cân chính xác ± 1g, cân chính xác ± 0,01g, Tủ sấy, sàng lỗ vuông 4,75mm ; 19 mm	Phạm Văn Quân
44	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng); Phương pháp dao vòng; Phương pháp đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202: 2012; TCVN 8721 :2012	Dao vòng, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1%, tủ sấy	Phạm Văn Quân

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45	Thí nghiệm sức chịu tải của vật liệu (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332: 2006; AASHTO T180; ASTM D 1883; AASHTO T193; TCVN 12792:2020	Máy nén đa năng, đồng hồ đo biến dạng, cối khuôn CBR, đầm, dụng cụ đo trương nở, tấm gia tải thép, bể ngâm, tủ sấy, sàng, dụng cụ tháo mẫu,	Phạm Văn Quân
46	Xác định cường độ nén đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324: 2014	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	Phạm Văn Quân
47	Xác định hệ số thấm K	ASTM D 2434; TCVN 8723:12	Dao vòng thép, Hộp thấm đảm bảo kín nước. Ống đo áp được làm bằng thủy tinh hoặc chất dẻo đường kính trong khoảng từ 8 mm đến 10 mm.	Phạm Văn Quân
48	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267	Tủ sấy, lò nung, chén sứ, cân kỹ thuật	Phạm Văn Quân
49	Xác định các đặc trưng rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao nổi chuyên dụng có gắn quang treo, Bình thủy tinh, Bình giữ ấm có nắp đậy kín, cân KT ....	Phạm Văn Quân
50	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở ..	Phạm Văn Quân
51	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Dao vòng được làm bằng thép không gỉ ;Thước cặp cơ khí , cân kỹ thuật chính xác đến 0,1g, cân kỹ thuật chính xác đến 0,01g..	Phạm Văn Quân
52	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Chày, cối đầm chặt tiêu chuẩn Proctor, tủ sấy 300oC, cân kỹ thuật, sàng 2mm và 5mm, khay đựng mẫu, thước cặp, đồng hồ bấm giây, dao trộn và muôi xúc đất	Phạm Văn Quân
53	Xác định góc nghi tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc, Thùng chứa nước, sàng lỗ 2 mm và 5 mm....	Phạm Văn Quân
V	<b>KIỂM TRA KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN</b>			

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
54	Thử kéo	TCVN 197:14; ISO 6892:2009; TCVN 314:08; AASHTO T68; ASTM A370; ASTM E8/E8M; TCVN 6368:1998; TCVN 5757:1993; TCVN 7937-1:09; TCVN 7937-3:06; TCVN 1824:93; ISO 15630-1:02; ISO 15630-2:02; JIS Z 2241; ASTM F606M	Máy thử kéo - nén - uốn, Thước kẹp và thước cuộn	Ngô Đình Toàn
55	Thử uốn	TCVN 198:08; (ISO 7438:05); TCVN 7937-1:09; TCVN 7937-3:06; ISO 15630-1:02; ISO 15630-2:02; ASTM A370; JIS Z 2248	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Ngô Đình Toàn
56	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:97	Máy kéo, uốn thép, gối uốn	Ngô Đình Toàn
57	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401: 2010; AWS D1.1	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...	Ngô Đình Toàn
58	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 5403:1991; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; AASHTO T244-20; AWS D1.1	Máy thử kéo - nén - uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	Ngô Đình Toàn
59	Kiểm tra kích thước hình học bu lông, thử cắt bu lông, thử kéo, lực xiết bu lông và đai ốc	TCVN 1916: 1995 (ISO 898-1: 2009); ASTM F 606; TCVN 197:2014 ( ISO 6892:2009); ASTM A370	Khuôn cắt, máy kéo thép...	Ngô Đình Toàn
60	Thép cốt bê tông – thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:97; TCVN 7937:09	Máy kéo thép	Ngô Đình Toàn
61	Lưới thép hàn – thử kéo, thử uốn và uốn lại không hoàn toàn, Xác định lực cắt mối hàn	TCVN 9391 : 12; TCVN 7937 : 09 , TCVN 6288:97; TCVN 6287 : 97	Máy kéo thép, bộ dụng cụ thí nghiệm khả năng chịu cắt của mối hàn	Ngô Đình Toàn
62	Cáp dự ứng lực, nêm neo – thử kéo, thử tuột	TCVN 197:2014 (ISO 6892:2009) ; ASTM A370 ;	Máy kéo thép, thước , kích căng cáp, máy đo độ cứng kim loại	Ngô Đình Toàn



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nêm neo, độ cứng nêm neo	ASTM A416M ;ASTM A1061/A1061M; TCVN 10568 :17		
63	Xác định tải trọng phá hoại thực tế cáp thép	TCVN 6368:1998	Máy kéo thép	Ngô Đình Toàn
64	Kiểm tra chiều dày thép	ASW D1.1	Thước	Ngô Đình Toàn
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
65	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng Phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8728:12;TCVN 8729:12; ASTM D2937; TCVN 12791 : 2020; TCVN 9350:2012	Cân chính xác 1g, Sàng 5mm, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông , dụng cụ đốt ẩm hiện trường	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
66	Độ ẩm; khối lượng TT của đất, đá dăm trong lớp kết cấu bằng Phương pháp rót cát	22 TCN 346: 2006; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; ASTM D1556; AASHTO T191	Bộ phễu rót cát, Cân 15kg ,Các dụng cụ khác(dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông , dụng cụ đốt ẩm hiện trường	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
67	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864: 2011	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nêm có chiều dày 3, 5, 7, 610, 15mm	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
68	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkenman	TCVN 8867: 2011	Cần đo vòng Benkelman, Đồng hồ SO, Kích thủy lực, Tấm ép cứng	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
69	Xác định modul đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng Phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; 22TCN 211-06	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ so, cát sạch, thước nivo	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
70	Đất xây dựng công trình thủy lợi- phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012	Dao vòng, ống chụp, quả tạ, cân kỹ thuật, dao gạt mẫu, thước kẹp, dụng cụ đào đất, thiết bị xác định độ ẩm...	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
71	Thí nghiệm xuyên tiêu	TCVN 9351: 2012	Giàn khoan, búa đóng	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chuẩn (thử nghiệm SPT)			
72	Phương pháp xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng (bàn nén)	22TCN211-06; TCVN 9354:2012; TCXDVN 9334:2012; ASTM D4395	Đồng hồ so, kích thủy lực, tấm ép, giàn chất tải...	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
73	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334: 2012	Súng bật nảy, bộ dụng cụ mài và làm phẳng mẫu	Phạm Văn Quân, Ngô Đình Toàn
<b>VII</b>	<b>GẠCH ĐÁT SÉT NUNG</b>			
74	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén, uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích; xác định độ rỗng	TCVN 6355: 2009	Thước kẹp, máy nén gạch, cân kỹ thuật...	Nguyễn Văn Điện
<b>VIII</b>	<b>NGÓI LỘP</b>			
75	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, xác định thời gian xuyên nước, xác định khối lượng 1m <sup>2</sup> ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, tủ ngâm mẫu, máy nén...	Nguyễn Văn Điện
<b>IX</b>	<b>GẠCH TERAZO</b>			
76	Kích thước cơ bản và ngoại quan; độ hút nước; cường độ uốn; độ mài mòn sâu	TCVN 7744: 2013	Bộ thước đo kích thước ngoại quan, cân kỹ thuật, tủ sấy, tủ ngâm mẫu, máy mài mòn, bay, chảo...	Nguyễn Văn Điện
<b>X</b>	<b>GẠCH BLOCK BÊ TÔNG</b>			
77	Kiểm tra kích thước, mức khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ rỗng, Xác định khối lượng	TCVN 6477: 2016	Thước kỹ thuật phù hợp; Dụng cụ làm phẳng mẫu, máy nén thủy lực, thước kỹ thuật, Cân kỹ thuật chính xác đến 1g, Thước đo có độ chia đến 1mm, Cát khô, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Văn Điện



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thể tích khô, Xác định độ thấm nước			
<b>XI</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>			
78	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476: 1999	Bộ thước đo kích thước ngoại quan, cân kỹ thuật, tủ sấy, tủ ngâm mẫu, máy mài mòn, bay, chày...	Nguyễn Văn Điện
<b>XII</b>	<b>VỮA XÂY DỰNG</b>			
79	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; BS EN 447:07	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy	Nguyễn Văn Điện
80	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-20	Cân kỹ thuật chính xác 1g, Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1mm, Bàn dãn, Khẩu hình côn.	Nguyễn Văn Điện
81	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6 : 2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.	Nguyễn Văn Điện
82	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022	Cân kỹ thuật chính xác 0,1g, Tủ sấy, Thước kẹp, Cân thủy tĩnh	Nguyễn Văn Điện
83	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11: 2022; TCVN 9204: 2012; ASTM C109	Khuôn, Chày đầm mẫu, Tủ dưỡng hộ mẫu, Tấm kính, Máy thử uốn, Máy nén	Nguyễn Văn Điện
84	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Khay, Bồn miếng đệm, Đồng hồ bấm giây, Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1% khối lượng, Tủ sấy, Thùng lưu mẫu, Khuôn kim loại.	Nguyễn Văn Điện
85	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Các dụng cụ, thiết bị xác định các chỉ tiêu cơ lý của vữa.	Nguyễn Văn Điện
<b>XIII</b>	<b>HỖN HỢP XI MĂNG VÀ ĐÁT, XI MĂNG VÀ CÁT, ĐÁ</b>			
86	Xác định độ đầm chặt tự nhiên	TCVN 9403 : 2012; TCVN 246 : 1998	Ông thép lấy mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu.	Ngô Đình Toàn
87	Xác định độ đầm chặt bằng phương pháp khô và ướt	TCVN 9403 : 2012; TCVN 246 : 1998; ASTM D559/D559M-15(2023)e1	Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị); Cát chuẩn, cân cân được 15kg chính xác 1,0g, Các dụng cụ khác(dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông.	Ngô Đình Toàn



STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Máy móc, thiết bị	Người thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
88	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633	Khuôn đúc mẫu, tủ sấy, máy nén, bể ngâm mẫu, miếng vải lau.	Ngô Đình Toàn
89	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634; ASTM 2166	Khuôn đúc mẫu, tủ sấy, máy nén, bể ngâm mẫu, miếng vải lau.	Ngô Đình Toàn
90	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D 1635 ; ASTM 2166	Khuôn đúc mẫu, tủ sấy, máy nén, bể ngâm mẫu, miếng vải lau.	Ngô Đình Toàn
91	Xác định cường độ ép chệ của mẫu	TCVN 8862:2011	Máy ép, thước ....	Ngô Đình Toàn



## 2.2. Danh mục máy móc, thiết bị chính

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng hoạt động
1	Máy kéo nén, uốn đa năng	WA-1000	Lực kéo lớn nhất 1000kN; Độ chính xác $\pm 1\%$	01	Bộ	Tốt
2	Bộ ngàm kéo bu lông		Khả năng kéo đến M45 mm	01	Bộ	Tốt
3	Bộ ngàm kéo thép		Ngàm 0-40 , 14-32; 32-45	01	Bộ	Tốt
4	Bộ gói uốn thép		Khả năng uốn từ D6-32	01	Bộ	Tốt
5	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa			12	Cái	Tốt
6	Đệm cao su nén bê tông		Nén mẫu trụ đường kính 150 mm	10	Cái	Tốt
7	Gá nén mẫu vữa, xi măng 40x40mm			01	Bộ	Tốt
8	Gá uốn mẫu vữa, xi măng 40x40x160mm			01	Bộ	Tốt
9	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa			03	Cái	Tốt
10	Súng bột nẩy bê tông	ZC3-A	Lực va đập 2,207Nm	01	Bộ	Tốt
11	Thiết bị xác định độ chảy xòe		Bàn xòe Mica KT: 800x800mm	01	Cái	Tốt
12	Kịch thủy lực 32 tấn (đồng hồ áp)		Kích nhỏ thang đo: 32 tấn (0÷320 kN); Độ chính xác: 0,01 kN.	01	Bộ	Tốt
13	Tủ sấy 300°C (136 lít)	101-2A	Nhiệt độ tối đa 300° C ; vạch chia 1°C	01	Cái	Tốt
14	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng	SHBY-40B	Nhiệt độ có thể xuống max: 27±10°C; Độ ẩm: $\geq 90\%$	01	Cái	Tốt
15	Thùng hấp mẫu xi măng		Dung tích: 20 lít;	01	Bộ	Tốt
16	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml			01	Bộ	Tốt
17	Khuôn Le Chatelier			06	Cái	Tốt
18	Thùng đong 1, 2, 5, 10, 20 lít (Hộc đong)			05	Cái	Tốt



ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng hoạt động
19	Bộ xác định đương lượng cát		Hộp gỗ, 3 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định. (không kèm máy lắc)	01	Bộ	Tốt
20	Bộ sàng tiêu chuẩn D300 dùng cho cát, đá, đất		Gồm các cỡ từ 70mm-0,045	30	Cái	Tốt
21	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát			01	Bộ	Tốt
22	Thiết bị kiểm tra kích thước, hình dạng gạch		Độ chính xác: 0,1mm	01	Bộ	Tốt
23	Khuôn thử uốn gạch			01	Bộ	Tốt
24	Bếp cách thủy			01	Cái	Tốt
25	Nhiệt kế điện tử	TP101	Phạm vi đo từ -50 đến 300°C	01	Cái	Tốt
26	Nhiệt kế thủy tinh		100 độ C	01	Cái	Tốt
27	Máy khoan lõi bê tông		Điện áp :220V/50-60Hz, Công suất 3000W; Tốc độ không tải 800v/phút, và nhiều mũi khoan	01	Bộ	Tốt
28	Cối Proctor tiêu chuẩn			01	Cái	Tốt
29	Chày Proctor tiêu chuẩn			01	Cái	Tốt
30	Cối Proctor cải tiến			01	Cái	Tốt
31	Chày Proctor cải tiến			01	Cái	Tốt
32	Máy trộn bê tông		Dung tích tối đa 150 lít	01	Bộ	Tốt
33	Máy nén đất tam liên loại thấp áp	WG-3B	Phạm vi đo 0 – 4800N, tỷ lệ cần i = 1:12 Phạm vi đo 0 – 4000N, tỷ lệ cần i = 1:10	02	Bộ	Tốt
34	Máy cắt đất tự động đa tốc độ điện tử	EDJ-1 (EDJ-1A)	Tốc độ cắt: Lựa chọn trực tiếp 5 tốc độ được cài đặt sẵn: 0,02mm/phút; 0,06mm/phút; 0,1mm/phút; 0,5mm/phút; 0,8mm/phút; 2,4mm/phút (năm tốc độ hoặc điều chỉnh tốc độ vô cấp) hiển thị trên màn hình LCD	01	Bộ	Tốt
35	Hộp thấm đất nam kinh	TST-55	Kích thước mẫu thấm 61.8x40mm.	01	Bộ	Tốt



ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng hoạt động
36	Dao vòng D61,8mm x H40mm dùng cho bộ TST-55 Kèm 02 gioăng cao su			01	Bộ	Tốt
37	Hộp nhôm TN độ ẩm		bằng nhôm D55x35 và D82x52 (Có nắp)	30	Cái	Tốt
38	Dụng cụ đo dẻo của đất		Tấm kính nhám; 6 hộp âm nhôm; Dao trộn mẫu; Bình xịt nước; Bát sứ trộn ; Hộp đựng	01	Bộ	Tốt
39	Dụng cụ đo dẻo của đất CASAGRANDE		Chất liệu: Kim loại chống gỉ, đế gang đúc ; Bát trộn; Dao trộn; Dụng cụ khía rãnh; Hộp đựng.	01	Bộ	Tốt
40	Bảng so màu			02	Cái	Tốt
41	Bộ thử độ sụt bê tông		Côn chuẩn có dạng hình nón cụt, có kích thước đáy là 100mm và 200mm, chiều cao 300mm (sai số cho phép 2mm), chất liệu Inox 304 ; Thanh đầm hình trụ tròn ; Tấm đế	01	Bộ	Tốt
42	Bộ nén dập cốt liệu 150mm		Khuôn trụ thép D150mm, Piston nén, Tấm đế	01	Bộ	Tốt
43	Bộ nén dập cốt liệu 75mm		Khuôn trụ thép D75mm, Piston nén, Tấm đế	01	Bộ	Tốt
44	Bộ thí nghiệm xác định hàm lượng bùn bụi sét của đá		Đường kính: 250 mm ; Chiều cao: 350 mm ; 02 vòi xả ; Thép dày: 3 mm	01	Bộ	Tốt
45	Bộ thí nghiệm xác định hàm lượng bùn bụi sét của cát		Kích thước: D=120mm x h = 320mm; Khoảng cách vòi tràn h2=20mm Khoảng cách vòi dưới h1=100mm	01	Bộ	Tốt
46	Đồng hồ bấm giây		Sai số 0,01 giây	01	Cái	Tốt
47	Máy trộn xi măng, vữa	JJ-5	Dung tích bát trộn: 5 lít; Chế độ trộn: tự động	01	Bộ	Tốt



ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng hoạt động
			hoặc điều khiển bằng tay; Tốc độ quay chính của cánh khuấy: 140v/p và 280v/p; Tốc độ quay hành tinh của cánh khuấy: 62v/p và 125v/p			
48	Máy cắt thép	Bosch GCO 14-24	Công suất: 2400W; Tốc độ motor: 3800/min, đường kính lưỡi cắt lớn nhất 355mm	01	Cái	Tốt
49	Bộ đo khối lượng thể tích xếp cốt liệu nhỏ		Bao gồm: phễu, giá đỡ bằng thép; ống đong 1l	01	Bộ	Tốt
50	Bộ đo khối lượng thể tích xếp cốt liệu lớn		Bao gồm: phễu, giá đỡ bằng thép; ống đong 5l	01	Bộ	Tốt
51	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng riêng cốt liệu nhỏ		Bình thủy tinh Tam giác, kính	01	Bộ	Tốt
52	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng riêng cốt liệu lớn		Bình thủy tinh Tam giác, kính	01	Bộ	Tốt
53	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng riêng xi măng		Gồm Bình Le chatelier 250ml, dung môi, nắp đậy bình	01	Bộ	Tốt
54	Bộ đo K dao vòng lớn		Bộ bao gồm: Búa 4,5kg; Tay nắm; Thanh dẫn hướng; Chụp dao vòng có lỗ thông hơi; lưỡi dao vòng kích thước: D97mm x 127mm	03	Bộ	Tốt
55	Bộ đo K rót cát		Gồm búa, bộ rót cát, đế định vị, đinh cố định	01	Bộ	Tốt
56	Bếp ga mini			01	Cái	Tốt
57	Bay xúc			02	Cái	Tốt
58	Bộ đo môđun đàn hồi (E) bằng tấm ép cứng		Tấm ép D34 (cm); dày 25 mm	01	Bộ	Tốt
59	Bộ đo môđun đàn hồi (E) bằng cần Benkelman		Cần Tỷ lệ: 2:1; Bao gồm: Cần chính và đồng hồ số 10mm x 0,01mm	01	Bộ	Tốt
60	Dụng cụ Vica		Thiết bị chính vica; các kim vicat; Tấm kính; Khẩu vicat chuẩn 40x70x80mm	01	Bộ	Tốt
61	Kính lúp			01	Cái	Tốt




ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng hoạt động
62	Thước panme			1	Cái	Tốt
63	Đồng hồ so 10x0,01mm		Phạm vi đo từ 0-10 mm , vạch chia 0,01 mm	06	Cái	Tốt
64	Đồng hồ so 50x0,01mm		Phạm vi đo từ 0-50 mm , vạch chia 0,01 mm	02	Cái	Tốt
65	Tỷ trọng kế	151H	Khả năng đo từ 0,995 TO 1,038 G/ML	01	Cái	Tốt
66	Cân kỹ thuật 300g x 0.01g	G&G	Khả năng cân: 300g; Độ chính xác: 0,01g.	01	Cái	Tốt
67	Cân điện tử ALC 15kg	ALC (VibraShi nko - Nhật)	Khả năng cân: 15000g; Độ chính xác: 0.5g	01	Cái	Tốt
68	Nước cất					Tốt
69	Thước kẹp		Khoảng đo: 0-200mm; Độ chính xác: ± 0.03mm	01	Cái	Tốt
70	Thước đo hạt dài dẹt đá dăm		Khoảng đo dài : 0- 200mm; Thước có tỷ lệ 1: 3	01	Cái	Tốt
71	Thước dây 5m	G-5H67	Vạch chia 1mm, phạm vi đo từ 0-5000 m	01	Cái	Tốt
72	Thước lá		Vạch chia 1mm, phạm vi đo từ 0-1000 m	01	Cái	Tốt
73	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679		Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi	15	Túi	Tốt
74	Hệ thống ống đong		Dung tích từ 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1l, 2 lit	14	Cái	Tốt
75	Bình tỷ trọng đất 100ml		Dung tích từ 100ml	01	Cái	Tốt

Ghi chú:

- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

### 2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Ghi chú

1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng phòng TN	KS địa chất công trình	<p>Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành địa chất công trình</p> <p>Chứng chỉ: quản lý phòng thí nghiệm</p> <p>- Thí nghiệm viên xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường</p> <p>- Thí nghiệm viên xác định các tính chất cơ lý của nhựa và bê tông nhựa trong phòng thí nghiệm và hiện trường</p>	<p>Phụ trách phòng thí nghiệm, phụ trách quản lý chất lượng</p> 
2	Phạm Văn Quân	Phó phòng thí nghiệm	KS địa chất thủy văn - ĐCCT	<p>Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành địa chất thủy văn - ĐCCT</p> <p>Chứng chỉ: quản lý phòng thí nghiệm</p> <p>- Thí nghiệm viên tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường</p> <p>- Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc</p>	
3	Nguyễn Văn Diện	Thí nghiệm viên	KS địa chất thủy văn - ĐCCT	<p>Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành địa chất thủy văn - ĐCCT</p> <p>Chứng chỉ : Thí nghiệm viên chuyên ngành cơ lý của vật liệu và bê tông</p>	
4	Phạm Thị Dần	Thí nghiệm viên	Trung Cấp	<p>Chứng chỉ : Thí nghiệm viên chuyên ngành cơ lý của vật liệu và bê tông</p>	
5	Ngô Đình Toàn	Thí nghiệm viên	KS địa chất thủy văn - ĐCCT	<p>Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành địa chất thủy văn - ĐCCT</p> <p>Chứng chỉ:</p> <p>- Các phương pháp thí nghiệm địa kỹ thuật hiện trường</p> <p>- Phương pháp thử các tính chất cơ - lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn</p>	
6	Hoàng Văn Uyên	Thí nghiệm viên	KS trắc địa	<p>Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành trắc địa công trình</p>	

7	Nguyễn Phương Đông	Thí nghiệm viên	KS trắc địa	Đại học Mỏ - địa chất: KS chuyên ngành trắc địa công trình	
---	--------------------	-----------------	-------------	--	--

Công ty cổ phần Khảo sát và kiểm định công trình An Biên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Anh Tuấn*